

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NAM TỪ LIÊM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Bản án số: **147/2023/HS-ST**

Ngày: 28/6/2023

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NAM TỪ LIÊM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Kim Thanh

- Các Hội thẩm nhân dân: Ông: Nguyễn Việt Chiến

Ông: Phạm Minh Thân

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đặng Thị Thùy Dung - Thư ký Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội;

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm tham gia phiên tòa:** Bà Lưu Thị Dáng Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 145/2023/TLST-HS ngày 05 tháng 6 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 152/2023/QĐXXST- HS ngày 05 tháng 6 năm 2023 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T, sinh năm: 1993; HKTT: Thôn T, xã H, huyện H, tỉnh T; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Nguyễn Văn S, sinh năm 1964, con bà: Nguyễn Thị K, sinh năm 1964. Gia đình có 03 anh em, bị cáo là con thứ 2. Vợ: Lê Thị H, sinh năm 1990; con lớn sinh năm 2016, nhỏ sinh năm 2022. Tiền án; tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 20/3/2023. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1 - Công an thành phố Hà Nội.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa;

Bị hại: Chị Nguyễn Ngọc N, sinh năm 1998 (vắng mặt)

HKTT: Thôn X, xã V, huyện V, tỉnh T.

Chỗ ở: Số 6 ngách 115, ngõ 8 L, phường P, quận N, thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau

Nguyễn Văn T là bạn bè xã hội với anh Phạm Tiến Đ, sinh năm: 1992; HKTT: xã N, huyện S, tỉnh V từ khoảng năm 2020. Quá trình quen biết, T đã nhiều lần vay tiền của anh Đ để chi tiêu cá nhân và trang trải nợ nần, tính đến tháng 01/2023 T còn nợ anh Đ số tiền 28.500.000 đồng. Từ đầu tháng 01/2023, anh Đ đã nhiều lần yêu cầu T trả nợ nhưng T không có tiền nên đã nảy sinh ý định mượn xe máy của chị Nguyễn Ngọc N, sinh năm: 1988; HKTT: xã V, huyện V, tỉnh T để gán nợ. Khoảng 14 giờ ngày 06/01/2023, T đến phòng trọ của chị N tại số 6 ngách 115, ngõ 8 L, H chơi cùng chị N và anh Đoàn Thanh B, sinh năm: 1993; HKTT: xã H, huyện H, tỉnh T – là người yêu của chị N. Sau khi ăn uống xong, T hỏi mượn chị N chiếc xe máy nhãn hiệu Honda SH màu đỏ gắn BKS 36B5 – 562.41 (số khung: 2508GY003347; số máy: KF25E0003395) và nói dối là để đón bạn đi chơi và hẹn sẽ trả xe trong ngày. Do T là bạn cùng quê với chị N và anh B nên chị N đã tin tưởng giao chìa khóa xe cùng chiếc xe máy nhãn hiệu Honda SH màu đỏ gắn BKS 36B5 – 562.41 cho T trước sự chứng kiến của anh B. Sau khi mượn được xe, T gọi điện thoại hẹn gặp anh Đ để giải quyết nợ nần rồi điều khiển chiếc xe vừa mượn được của chị N đến khu đô thị V, Hà Đông, Hà Nội gặp anh Đ. Tại đây, T nói bản thân không có tiền trả cho anh Đ nên đề nghị giao chiếc xe máy nhãn hiệu Honda SH màu đỏ gắn BKS 36B5 – 562.41 cho Đ làm tin và hẹn khoảng 02 ngày sau sẽ mang tiền đến trả nợ để lấy chiếc xe này về, anh Đ đồng ý. Sau khi giao xe cho anh Đ, T đi xem ôm về phòng trọ nghỉ ngơi. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, T đến gặp chị N và thú nhận về việc đã mang chiếc xe của chị N đi gán nợ và xin chị N cho T thời gian để thu xếp tiền chuộc xe về. Tuy nhiên, chị N không đồng ý và yêu cầu T phải trả xe lại cho chị N ngay nhưng T không có khả năng trả nợ cho anh Đ để lấy xe máy về trả cho chị N. Sau nhiều lần yêu cầu T trả xe nhưng T không thực hiện, ngày 13/01/2023, chị N đã đến Công an phường Phú Đô trình báo sự việc.

Ngày 15/01/2023, do cần xe để đi lại nên chị N đã sử dụng tài khoản 250919985555 ngân hàng Mbbank mang tên Nguyễn Ngọc N chuyển tiền số tiền 28.500.000 đồng đến tài khoản 038093007671 ngân hàng MB bank mang tên Nguyễn Thị K do T sử dụng để ứng trước tiền cho T trả nợ anh Đ và lấy xe

về cho chị N. Chiều cùng ngày, T đã cùng anh B đi đến số 351 – 352 Lacasta Văn Phú, phường Phú La, Hà Đông, Hà Nội nhưng không gặp được anh Đ. Tại đây, T chuyển số tiền 28.500.000 đồng mà chị N ứng ra trước đó vào tài khoản số 0968543321 ngân hàng BIDV mang tên Phạm Tiến Đ. Sau khi nhận được tiền, anh Đ đã nhờ anh Nguyễn Thanh M, sinh năm: 1993; HKTT: xã N, huyện S, tỉnh V mang xe đến giao cho T. Sau đó, T đã mang xe về trả cho chị N và viết giấy vay nợ chị N số tiền 28.500.000 đồng.

Ngày 20/3/2023, Nguyễn Văn T đã đến Công an quận Nam Từ Liêm đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 76 ngày 17 tháng 3 năm 2023 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự quận Nam Từ Liêm, kết luận: 01 xe máy nhãn hiệu Honda SH màu đỏ gắn BKS 36B5 – 562.41, số khung: 2508GY003347, số máy: KF25E0003395 (đăng ký lần đầu ngày 15/01/20217, đã qua sử dụng) trị giá 40.000.000 đồng.

Đối với anh Phạm Tiến Đ, quá trình điều tra xác định anh Đ không biết chiếc xe trên do T lừa chiếm đoạt của chị N để giao cho anh Đ. Do đó Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Về dân sự: Nguyễn Văn T và gia đình T đã trả cho chị Nguyễn Ngọc N số tiền 28.500.000 đồng, chị N không có yêu cầu, đề nghị gì khác về dân sự.

Tại bản cáo trạng số 141/CT-VKS ngày 01/6/2023 của Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1, Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên toà:

Bị cáo Nguyễn Văn T khai nhận hành vi của mình, thành khẩn nhận tội và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quan điểm như cáo trạng truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1, Điều 174; Điều 38; điểm i, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự 2015;

Xử phạt: Nguyễn Văn T từ 09 đến 12 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 20/3/2023.

+ Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về dân sự: Bị hại - chị N không có yêu cầu nên không đề cập.

Lời nói sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để sớm được trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử: xét thấy Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng và đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Các hành vi, quyết định tố tụng đều hợp pháp, đảm bảo việc điều tra, truy tố vụ án đúng quy định. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người bị hại đến vụ án không khiếu nại gì về hành vi, quyết định của những người tiến hành tố tụng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn T khai nhận hành vi phạm tội như Cáo trạng truy tố. Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với biên bản thu giữ vật chứng, kết luận định giá tài sản, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng cùng các tài liệu khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 14 giờ ngày 06/01/2023, tại Phú Đô, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Nguyễn Văn T đã dùng thủ đoạn gian dối lừa đảo chiếm đoạt chiếc xe máy nhãn hiệu Honda SH màu đỏ gắn BKS 36B5 – 562.41 trị giá 40.000.000 đồng của chị Nguyễn Ngọc N.

[3] Hành vi của bị cáo xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, làm mất trật tự trị an xã hội tại địa phương, nên cần phải có hình phạt nghiêm để giáo dục bị cáo trở thành người tốt và phòng ngừa chung. Do vậy hành vi nêu trên của bị cáo Nguyễn Văn T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1, Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015. Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1, Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật.

[4] Đánh giá về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cụ thể: Bị cáo lừa đảo chiếm đoạt tài sản có giá trị lớn do vậy cần phải áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội. Tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay cũng như tại cơ quan điều tra bị cáo thành khẩn khai báo ăn năn hối cải, bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, gia đình bị cáo đã khắc phục hậu quả, bố bị cáo là ông Nguyễn Văn S có công

với cách mạng, sau khi phạm tội bị cáo ra đầu thú nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ tại điểm i, s khoản 1, khoản 2, Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[5] Căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo đã được phân tích ở trên, HĐXX xét thấy: phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn trong khung hình phạt được quy định tại khoản 1, Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên miễn phạt tiền cho bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại - chị Nguyễn Ngọc N không có yêu cầu gì về dân sự nên không xem xét.

Đối với anh Phạm Tiến Đ, quá trình điều tra xác định anh Định không biết chiếc xe trên do T lừa chiếm đoạt của chị N để giao cho anh Đ. Do đó Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

[9] Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng: khoản 1, Điều 174; điểm i, s, khoản 1, khoản 2, Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: **Nguyễn Văn T 15 (Mười lăm)** tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 20/3/2023.

Về hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo

Căn cứ Điều 106, Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015;

Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về dân sự: Bị hại - chị N không có yêu cầu gì về dân sự nên không xem xét.

Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm

Quyền kháng cáo: Bị cáo Nguyễn Văn T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Bị cáo; bị hại;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- TAND thành phố Hà Nội;
- Công an Q.Nam Từ Liêm;
- TT lý lịch-Sở Tư pháp TP.Hà Nội;
- Chi cục THADS Q.Nam Từ Liêm;
- Lưu HS - VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phan Thị Kim Thanh